TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SA ĐÉC** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 06-02-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Thìn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Phú Mỹ.

2. Bà Cao Thị Diệu Hiền.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024, về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Kim H, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Số A, khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đ.

Nơi ở hiện nay: Số A, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Số A, khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đ.

Bà Lê Kim H có mặt, ông Trần Văn C vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Kim H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông C có tự tìm hiểu nhau khoảng 01 năm trước khi sống chung vợ chồng vào năm 1999, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn ngày 16/9/1999 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Đ. Khi sống chung vợ chồng

thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng từ khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn như thường xuyên gây gỗ, có những lời nói xúc phạm nhau, có lúc ông C đánh bà H; nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông C không chăm lo kinh tế gia đình, tiêu xài tiền hoang phí.

Thời gian đầu bà H và ông C sinh sống tại nhà số A, khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đ. Do mâu thuẫn vợ chồng nên từ đầu năm 2024 thì bà H về nhà mẹ ruột của bà H sinh sống và cũng từ thời gian này vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau đến nay.

Nay bà H nhận thấy không còn tình cảm thương yêu vợ chồng với ông C, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà H yêu cầu ly hôn ông C. Trường hợp không ly hôn thì bà H cũng không trở về sống chung vợ chồng với ông C.

- Về nuôi con chung: Bà H xác định có 01 con chung tên Trần Bá N, sinh năm 2000, đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Bà H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H xác định từ ngày 23/8/2024 đến nay bà H, ông C có vay số tiền 400.000.000 đồng tại Quỹ tín dụng nhân dân Tân Quy T và có thế chấp nhà, đất tại số A, khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đ để đảm bảo khoản tiền vay. Tuy nhiên, hợp đồng vay chưa đến hạn, Quỹ tín dụng nhân dân Tân Quy T cũng không tranh chấp, không yêu cầu gì đối với bà H, ông C; nên bà H không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về hợp đồng vay, hợp đồng thế chấp tài sản giữa bà H, ông C với Quỹ tín dụng nhân dân Tân Quy T.

Bị đơn ông Trần Văn C dù đã được tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng trực tiếp, nhưng không có văn bản nêu ý kiến và không đến để Tòa án ghi nhận ý kiến ông C đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Quỹ tín dụng nhân dân Tân Quy T có văn bản nêu ý kiến: Ngày 23/8/2024 bà H, ông C có thế chấp hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay vốn và vẫn còn nợ Q tín dụng nhân dân Tân Quy T số tiền vay 400.000.000 đồng, ngày đến hạn của khoản vay là ngày 23/8/2025. Quỹ tín dụng nhân dân Tân Quy T không có yêu cầu khởi kiện đối với bà H, ông C và từ chối tham gia tố tụng trong vụ án hôn nhân.

***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa*:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông Trần Văn C không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, là không chấp hành đúng quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Kim H. Bà Lê Kim H và ông Trần Văn C ly hôn.

- Về nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đương sự phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn bà Lê Kim H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Trần Văn C là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Ông Trần Văn C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông C theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Bà H và ông C sống chung vợ chồng từ năm 1999, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16/9/1999 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Đ. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà H, ông C được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Bà H yêu cầu ly hôn ông C. Đối với ông C, dù đã trực tiếp nhận Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng, đã biết được bà H yêu cầu ly hôn, nhưng không có văn bản nêu ý kiến và không đến để Tòa án xác minh làm rõ, ghi nhận ý kiến ông C đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau..."

Và tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về ly hôn theo yêu cầu của một bên như sau:

"1. *Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.*"

Nếu ông C thật sự còn tình cảm và mong muốn hàn gắn vợ chồng với bà H, thì ông C đã sắp xếp công việc đến trình bày ý kiến, nguyện vọng của ông C, nhưng ông C không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải cũng như phiên tòa

hôm nay. Mặt khác, qua thu thập tài liệu chứng cứ lời khai người làm chứng thể hiện từ năm 2018 ông C, bà H thường xuyên gây gỗ, có những lời nói xúc phạm nhau, có lúc đánh nhau, đầu năm 2024 bà H về nhà mẹ ruột của bà H sinh sống và cũng từ thời gian này ông C, bà H không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau đến nay. Từ đó chứng tỏ vợ chồng ông C, bà H không có sự thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, có hành vi bạo lực gia đình; ông C bỏ mặc bà H, không còn quan tâm bà H.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án cũng đã động viên bà H hàn gắn tình cảm, đoàn tụ vợ chồng, nhưng bà H vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn ông C, bà H trình bày trường hợp không ly hôn, thì bà H cũng không trở về sống chung vợ chồng với ông C.

Vì vậy, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa bà H, ông C đã không thể hàn gắn được, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có sự thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau. Nếu bà H, ông Công đoàn T1 tiếp tục chung sống thì cũng không có hạnh phúc. Do đó, xét thấy việc bà H yêu cầu được ly hôn ông C là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nuôi con chung: Bà H xác định có 01 con chung tên Trần Bá N, sinh năm 2000, đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Bà H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H xác định từ ngày 23/8/2024 đến nay bà H, ông C có vay số tiền 400.000.000 đồng tại Quỹ tín dụng nhân dân Tân Quy T và có thế chấp nhà, đất tại số A, khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đ để đảm bảo khoản tiền vay. Tuy nhiên, hợp đồng vay chưa đến hạn, bà H, ông C và Quỹ tín dụng nhân dân Tân Quy T không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về hợp đồng vay, hợp đồng thế chấp tài sản này. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Kim H phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm (*về ly hôn*) theo quy định của pháp luật.

[4] Hội đồng xét xử thống nhất với ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc về việc giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 264, 271, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 19, 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Kim H. Cho bà Lê Kim H ly hôn ông Trần Văn C.

2. Về nuôi con chung: Bà H xác định có 01 con chung tên Trần Bá N, sinh năm 2000, đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Do đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Lê Kim H nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H đã nộp ngày 28/11/2024 theo biên lai thu số 0008014 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:
- Tòa án Tỉnh;
- VKSND TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- UBND xã Tân Dương, Lai Vung (ĐKKH Số 20/UB, ngày 16/09/99);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Minh Thìn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Cao Thị Diệu Hiền – Tô Phú Mỹ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Minh Thìn